

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2022/DS-ST
Ngày 18-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:196/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Người đại diện: Ông Đỗ Văn Công N; Chức vụ Giám đốc chi nhánh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền số 3941/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B).

Ông Đỗ Văn Công N ủy quyền lại cho ông Lâm Văn T; Chức vụ Trưởng phòng - Phòng giao dịch T trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Theo văn bản ủy quyền số 97/2020/GUQ-CNTV ngày 23/11/2020). Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hồng Thị L, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2020 lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Văn T trình bày:

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 bà Hồng Thị L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần B hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Hồng Thị L, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ bà Hồng Thị L đã sử dụng và thực hiện 22 giao dịch với tổng số tiền gốc là 64.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hồng Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng 32 lần với số tiền 55.735.000 đồng (trong đó thanh toán tiền gốc là 42.289.709 đồng; đóng tiền lãi là 13.445.291 đồng), đến ngày 30/4/2020 bà L ngừng thanh toán cho Ngân hàng dẫn đến khoản vay phát sinh quá hạn. Qua nhiều lần nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà L không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18/02/2022 bà L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 22.210.291 đồng và lãi quá hạn 14.424.975 đồng. Mặc dù được nhắc nhở nhiều lần và làm việc trực tiếp, tạo điều kiện cho bà L thanh toán nợ nhưng bà L không thanh toán. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồng Thị L phải trả tổng số tiền 36.635.266 đồng. Trong đó nợ gốc là 22.210.291 đồng; lãi quá hạn 14.424.975 đồng tính đến ngày 18/02/2022. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 19/02/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai bà Hồng Thị L trình bày:

Bà thừa nhận ngày 03 tháng 7 năm 2017 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần B - phòng giao dịch T, sau khi được cấp thẻ bà đã sử dụng thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch với tổng số tiền 64.500.000 đồng, bà đã trả cho Ngân hàng số tiền 55.735.000 đồng, số tiền còn lại 22.210.291 bà chưa thanh toán. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc 22.210.291 và phần lãi phát sinh.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 22.210.291 và phần lãi phát sinh là 14.424.975 đồng tính đến ngày 18/02/2022. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 19/02/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồng Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 22.210.291 đồng và phần lãi phát sinh là 14.424.975 đồng tính đến ngày 18/02/2022. Bà Hồng Thị L phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 19/02/2022 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hồng Thị L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần B Phòng giao dịch T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ngày 03/7/2017 với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, từ ngày kích hoạt thẻ bà Hồng Thị L đã sử dụng và thực hiện giao dịch với tổng số tiền 64.500.000 đồng, bà L có trả cho Ngân hàng số tiền 55.735.000 đồng sau đó ngưng không trả, đến hạn trả nợ nhưng bà L không trả nên Ngân hàng khởi kiện. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng Tòa án đã đưa bà Hồng Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bà L được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, bà L đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Trà Vinh có đơn xin vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần B vắng mặt, bà Hồng Thị L vắng mặt, tuy nhiên đại diện Ngân hàng và bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ngày 03/7/2017 của bà Hồng Thị L mà Ngân hàng cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, thể hiện bà L có ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 1.92%/tháng, theo bảng tóm tắt sao kê (bút lục 07) quá trình sử dụng số thẻ: 970403 - 7622 từ ngày kích hoạt đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ 31/7/2020 bà L đã thực hiện giao dịch với số tiền là 64.500.000 đồng. Sau khi sử dụng thẻ thì bà L có trả cho Ngân hàng số tiền là 55.735.000 đồng (trong đó gốc là 42.289.709 đồng, lãi là 13.445.291 đồng). Tính đến ngày 18/02/2022 bà L còn nợ lại tổng số tiền 36.635.266 đồng (trong đó tiền gốc là 22.210.291 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.424.975 đồng).

[4] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về yêu cầu bà Hồng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi 36.635.266 đồng cũng như quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi sau khi được Tòa án tổng đạt đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/7/2017; bảng tóm tắt sao kê sử dụng thẻ của Ngân hàng cung cấp thì bà L không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tại bản tự khai ngày 13/01/2022 bà Hồng Thị L thừa nhận bà có ký hợp đồng sử dụng thẻ với hạn mức tín dụng, thừa nhận đã thực hiện giao dịch với số tiền là 64.500.000 đồng, thừa nhận đã trả số tiền 55.735.000 đồng và đồng ý trả số nợ gốc chưa thanh toán và lãi phát sinh như Ngân hàng yêu cầu, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Hồng Thị L có nghĩa vụ trả tiếp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 22.210.291 đồng và phần lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 14.424.975 đồng. Kể từ ngày 19/02/2022 bà Hồng Thị L còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/7/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B Phòng giao dịch T với bà Hồng Thị L.

[5] Về án phí: Bà Hồng Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bà Hồng Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền 36.635.266 đồng. Trong đó tiền gốc là 22.210.291 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.424.975 đồng (tính đến ngày 18/02/2022).

Kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 bà Hồng Thị L còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/7/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B Phòng giao dịch T với bà Hồng Thị L.

2. Về án phí: Buộc bà Hồng Thị L phải chịu 1.831.763 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí là 563.140 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003276 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H.T;
- Chi cục THADS H.T;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký